

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1
PC1 GROUP
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số: 0792 / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

No. 0792 / CBTT-PC1

Hanoi, March 31, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: The State Securities Commission
Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1/ PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: PC1

- Địa chỉ trụ sở chính/Head office address: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ 18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam

- Địa chỉ giao dịch/Address: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ 583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam

- Điện thoại/Tel.: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: cbtt@pclgroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán/
Audited separate financial statements and consolidated financial statements for 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 31/03/2025 tại đường dẫn: <https://www.pclgroup.vn> /This information was published on the company's website on 31/03/2025, as in the link <https://www.pclgroup.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.



Hoàng Văn Sáng



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

0100100745

ngày 4 tháng 12 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 4 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn
Ông Vũ Ánh Dương
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Phan Ngọc Hiếu
Ông Mai Lương Việt

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 26/4/2024)
Thành viên (đến ngày 1/2/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương
Ông Đặng Quốc Tường
Ông Võ Hồng Quang
Ông Nguyễn Nhật Tân
Ông Nguyễn Minh Đệ
Ông Trịnh Ngọc Anh
Ông Trịnh Quang Thành

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/7/2024)
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11/10/2024)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà
Ông Hoàng Văn Cường
Ông Hoàng Văn Sáng

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

0011
CỘNG HÒA
KH
TỰ LỊCH

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-02-00204-25-1



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

91
: 0
+ NH
P
LI

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.654.356.118.909	3.189.024.415.102
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	702.443.382.839	1.028.714.838.590
Tiền	111		46.443.382.839	63.214.838.590
Các khoản tương đương tiền	112		656.000.000.000	965.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60.006.000.000	103.601.176.833
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	60.006.000.000	103.601.176.833
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.010.616.885.209	1.699.908.243.725
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.246.277.940.072	1.173.050.006.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	488.453.454.061	186.723.471.407
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	9.187.149.775	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	75.625.280.244	106.051.103.451
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	270.917.926.563	239.267.535.790
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(79.844.865.506)	(5.183.873.781)
Hàng tồn kho	140	12	845.868.494.107	311.768.058.448
Hàng tồn kho	141		845.868.494.107	311.768.058.448
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.421.356.754	45.032.097.506
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.667.243.907	3.226.020.397
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32.754.112.847	41.806.077.109
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		7.947.449.045.666	7.562.961.437.568
Tài sản cố định	220		1.894.492.933.357	2.030.219.276.770
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.893.255.142.807	2.028.766.131.425
Nguyên giá	222		2.757.587.791.568	2.754.805.467.253
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(864.332.648.761)	(726.039.335.828)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.237.790.550	1.453.145.345
Nguyên giá	228		2.706.470.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.468.679.450)	(1.253.324.655)
Bất động sản đầu tư	230	15	52.822.306.812	71.353.081.680
Nguyên giá	231		101.554.352.049	122.374.213.687
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(48.732.045.237)	(51.021.132.007)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.391.362.725	11.236.636.566
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	17.391.362.725	11.236.636.566

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	5.923.595.947.724	5.394.292.289.878
Đầu tư vào công ty con	251		4.266.709.540.989	3.789.927.776.619
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.693.392.656.168	1.603.148.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(41.328.019.433)	(3.606.012.909)
Tài sản dài hạn khác	260		59.146.495.048	55.860.152.674
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	59.146.495.048	55.860.152.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.601.805.164.575	10.751.985.852.670
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.413.470.170.654	5.816.145.114.858
Nợ ngắn hạn	310		3.154.150.209.882	2.796.978.332.971
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	910.240.249.537	806.198.113.402
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	395.088.528.394	101.802.829.495
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	20	7.789.753.157	5.968.392.864
Phải trả người lao động	314		13.989.354.083	6.624.695.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	41.899.701.161	48.628.917.361
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		850.614.873	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		667.443.654	853.018.181
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	87.443.222.182	20.020.281.837
Vay ngắn hạn	320	23(a)	1.565.953.753.898	1.661.054.422.237
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	130.227.588.943	145.827.662.533
Nợ dài hạn	330		3.259.319.960.772	3.019.166.781.887
Phải trả dài hạn khác	337		1.393.778.640	1.521.414.720
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	23(b)	3.257.926.182.132	3.017.645.367.167

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.188.334.993.921	4.935.840.737.812
Vốn chủ sở hữu	410	25	5.188.334.993.921	4.935.840.737.812
Vốn cổ phần	411	26	3.576.421.210.000	3.109.955.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.576.421.210.000	3.109.955.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		246.973.837.431	246.973.837.431
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		589.170.945.162	803.142.319.053
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		325.406.623.263	693.331.661.162
- LNST năm nay	421b		263.764.321.899	109.810.657.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		11.601.805.164.575	10.751.985.852.670

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng
Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	4.283.815.178.825	3.790.979.619.231
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	3.855.901.023.609	3.460.991.018.935
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		427.914.155.216	329.988.600.296
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	394.725.868.886	323.834.150.750
Chi phí tài chính	22	32	348.567.068.754	405.693.467.939
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	23		308.510.772.568	403.426.097.784
Chi phí bán hàng	25	33	8.160.264.128	11.814.435.240
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	195.169.891.608	111.524.903.120
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		270.742.799.612	124.789.944.747
Thu nhập khác	31		548.349.215	6.876.836.031
Chi phí khác	32		33.798.955	5.134.936.255
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		514.550.260	1.741.899.776
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		271.257.349.872	126.531.844.523
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	1.493.027.973	13.831.186.632
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		269.764.321.899	112.700.657.891

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởngVũ Anh Dương
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	271.257.349.872	126.531.844.523
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	142.784.792.647	145.652.200.321
Các khoản dự phòng	03	112.801.553.939	(4.499.761.444)
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	76.068.518	(720.218.410)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(401.357.475.476)	(331.990.579.492)
Chi phí đi vay	06	308.510.772.568	403.426.097.784
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	434.073.062.068	338.399.583.282
Biến động các khoản phải thu	09	(356.340.185.279)	757.277.635.862
Biến động hàng tồn kho	10	(534.100.435.659)	(33.176.142.484)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	464.753.822.306	(506.117.344.370)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.727.565.884)	12.776.894.961
		5.658.697.552	569.160.627.251
Tiền lãi vay đã trả	14	(297.507.174.189)	(405.663.106.136)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.681.782.076)	(67.914.836.273)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(29.128.139.380)	(30.238.308.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(323.658.398.093)	65.344.376.533
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(17.394.956.103)	(42.570.543.550)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	32.413.056.120	94.415.954.168
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(284.357.336.299)	(274.431.176.833)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	351.094.910.392	510.485.029.848
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(564.969.231.507)	(83.318.723.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	18.400.000.000	28.472.376.468
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	304.050.121.205	229.271.672.625
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(160.763.436.192)	462.324.589.726

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	4.211.389.611.763	3.575.161.737.136
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.053.163.164.711)	(4.756.026.808.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	158.226.447.052	(1.180.865.071.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(326.195.387.233)	(653.196.104.811)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.028.714.838.590	1.681.934.406.899
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(76.068.518)	(23.463.498)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	702.443.382.839	1.028.714.838.590

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập

Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Người duyệt

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởngVũ Anh Dương
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 25 ngày 4 tháng 12 năm 2024.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 27 công ty con cấp 1 và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b) (1/1/2024: 26 công ty con cấp 1 và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty có 252 nhân viên.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng phản ánh phần chênh lệch giữa lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối kỳ và các hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Với trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đối với các chi phí đã phát sinh nhưng chưa được khách hàng xác nhận tại thời điểm lập báo cáo.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức của giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con, công ty liên kết và các công ty có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	648.388.380	376.221.504
Tiền gửi ngân hàng	45.794.994.459	62.838.617.086
Các khoản tương đương tiền (*)	656.000.000.000	965.500.000.000
	702.443.382.839	1.028.714.838.590

- (*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 4,65% – 4,75%/năm (1/1/2024: 2,3% – 4,2%/năm).

5. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Giá gốc và giá trị ghi sổ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	60.006.000.000	103.601.176.833

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,0%- 2,0%/năm (1/1/2024: 1,4%-3,0%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2024		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
1. Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	Hà Nội	66,00%	3.519.064.933	-	(*)
2. Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam) (i)	Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	20.000.000.000	-	(*)
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	(1.317.518.206)	(*)
4. Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình) (ii)	Hà Nội	80,00%	24.000.000.000	-	(*)
5. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
6. Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
7. Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	Hà Nội	66,00%	3.566.251.625	-	(*)
8. Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Ninh Bình) (iii)	Ninh Bình	66,00%	6.781.764.370	-	(*)
9. Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
10. Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu (vii)	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
12. Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
13. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
14. Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
15. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc (vii)	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
16. Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
17. Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
18. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
19. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
20. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
21. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
22. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm (iv)	Cao Bằng	60,00%	93.600.000.000	-	(*)
23. Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
24. Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (viii)	Singapore	100,00%	140.950.895.451	-	(*)
25. Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (v)	Hải Phòng	99,96%	424.800.000.000	-	(*)
26. Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (viii)	Hải Phòng	70,00%	703.098.368.940	-	(*)
27. PC1 Australia Pty Ltd	Australia	100,00%	5.118.723.000	-	(*)
			4.266.709.540.989	(1.317.518.206)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		31/12/2024			
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
1. Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	(36.010.501.227)	(*)
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
3. Công ty Cổ phần Western Pacific (vi)	Tp. Hồ Chí Minh	30,08%	1.200.243.900.000	-	(*)
4. Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	Bà Rịa-Vũng Tàu	36,00%	68.400.000.000	-	(*)
			1.693.392.656.168	(36.010.501.227)	
▪ Đơn vị khác					
1. Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	(*)
2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.989.918.750
			4.821.770.000	(4.000.000.000)	
			5.964.923.967.157	(41.328.019.433)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2024

	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty con					
1. Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	Hà Nội	66,00%	3.519.064.933	-	(*)
2. Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Nam)	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	25.000.000.000	-	(*)
3. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	-	(*)
4. Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình)	Hà Nội	100,00%	30.000.000.000	-	(*)
5. Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
6. Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
7. Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	Hà Nội	66,00%	3.566.251.625	-	(*)
8. Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
9. Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
10. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
11. Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
12. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
13. Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
14. Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
15. Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
16. Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
17. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
18. Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
19. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
20. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
21. Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	60,00%	27.600.000.000	-	(*)
22. Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
23. Asia Dragon Trading Pte. Ltd.	Singapore	100,00%	140.950.895.451	-	(*)
24. Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	Hải Phòng	99,00%	9.800.000.000	-	(*)
25. Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	Hải Phòng	70,00%	703.098.368.940	-	(*)
26. PC1 Australia Pty Ltd	Australia	100,00%	5.118.723.000	-	(*)
			3.789.927.776.619	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2024			
	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
1. Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(*)
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
3. Công ty Cổ phần Western Pacific	Tp. Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(*)
4. Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình	Bà Rịa-Vũng Tàu	36,00%	68.400.000.000	-	(*)
			1.603.148.756.168	-	
▪ Đơn vị khác					
1. Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10,00%	4.000.000.000	(3.606.012.909)	(*)
2. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.534.386.400
			4.821.770.000	(3.606.012.909)	
			5.397.898.302.787	(3.606.012.909)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam cho các cá nhân.
- (ii) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 20% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình cho các cá nhân.
- (iii) Trong Quý 1 năm 2024, Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình (trước đây là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình) trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc Công ty nhận chuyển nhượng toàn bộ 100% vốn góp của Công ty này từ Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình.

Trong Quý 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 34% vốn góp của Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình cho các cá nhân.
- (iv) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 66.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm.
- (v) Trong Quý 2 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 415.000.000.000 VND vào Công ty Cổ Phần KCN Quốc tế Hải Phòng.
- (vi) Trong Quý 4 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 90.243.900.000 VND vào Công ty Cổ phần Western Pacific
- (vii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, toàn bộ số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản trái phiếu mà Công ty phát hành (Thuyết minh 23(b)(ii)).
- (viii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Asia Dragon Trading Pte. Ltd. và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 23(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	20.641.051.788	9.333.451.788
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	7.537.837.600	5.484.987.785
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	6.763.715.807	6.760.812.315
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	570.541.400	2.823.371.338
Asia Dragon Trading Pte. Ltd.	521.400.000	660.000.000
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	432.241.755	1.288.102.959
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	354.027.654	385.239.654
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	48.960.000	39.158.249.697
Các công ty con cấp 1 khác	32.416.000	17.527.083.019
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	22.514.545.634	42.514.545.634
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	866.995.535	866.995.535
Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty		
Công ty Cổ phần Cơ điện Đại Dũng	28.457.138.160	-
Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là “Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân”)	47.680.992	-
Bên khác		
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	203.778.019.276	152.899.801.367
Ban Quản lý Dự án lưới điện Tp. Hồ Chí Minh	118.049.317.475	1.194.969.466
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	79.023.533.034	87.194.855.067
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	75.589.377.861	79.296.269.106
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	61.900.913.732	76.016.197.514
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	41.930.797.451	62.530.160.977
Ban Quản lý Dự án Điện 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	33.480.528.945	46.983.635.351
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	20.454.366.566	50.000.000.000
Các khách hàng khác	523.282.533.407	490.131.278.286
	1.246.277.940.072	1.173.050.006.858

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	51.340.407.220	-
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	27.098.034.266	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc	18.111.054.653	18.460.974.653
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	9.563.972.123	3.291.288.384
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	6.006.907.822	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	2.596.792.759	1.450.662.595
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	1.938.852.778	-
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	1.361.733.939	-
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	342.850.487	-
Công ty con cấp 2		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	3.988.813.480	4.736.092.878
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	7.463.270.654	7.463.270.654
Bên khác		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	105.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	59.974.554.174	-
Dongfang Electric International Corporation	40.926.457.094	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	-	17.877.622.227
Các nhà cung cấp khác	151.750.912.130	37.454.719.534
	488.453.454.061	186.723.471.407

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	165.278.407.869	-
Lợi nhuận ước tính	23.546.075.329	-
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm	188.824.483.198	-
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(179.637.333.423)	-
	9.187.149.775	-

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Địa ốc Mỹ Đình	27.234.176.793	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	24.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	5.500.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	-	5.160.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	-	50.000.000.000
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	16.302.693.400
Bên khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn cầu	2.588.410.051	2.588.410.051
	75.625.280.244	106.051.103.451

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 6,0%/năm (1/1/2024: từ 4,0% đến 9,0%/năm). Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, gốc và lãi vay của các khoản cho vay này đã được gia hạn tới Quý 2 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (*)	152.605.436.256	102.912.151.561
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (**)	94.286.957.077	94.595.296.236
Tạm ứng cho nhân viên	12.328.941.565	23.681.808.392
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay (*)	7.472.789.540	9.168.117.522
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Ký cược, ký quỹ	283.380.000	5.570.850.000
Phải thu khác	1.788.789.925	1.187.679.879
	270.917.926.563	239.267.535.790

(*) Bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	62.962.638.000	-
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	16.970.431.356	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	9.939.000.000	-
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	9.684.600.043	-
Công ty Cổ phần PC1 - Ninh Bình	7.457.025.264	4.763.941.605
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	5.094.900.000	5.094.900.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	4.751.908.000	17.819.655.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc	1.660.708.651	1.660.708.651
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	-	918.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	23.567.885.989
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	-	1.377.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	17.326.005.843
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	-	14.626.338.660
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	-	14.702.758.871
Công ty con cấp 2		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	1.054.956.942	1.054.956.942
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Western Pacific	33.029.268.000	-
	152.605.436.256	102.912.151.561

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Phải thu lãi cho vay		
<i>Công ty con cấp 1</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	930.410.959	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	549.160.386	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	197.835.616	151.232.877
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	6.575.342	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	-	1.050.345.205
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	-	89.424.658
<i>Công ty con cấp 2</i>		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	4.932.251.636	6.451.778.458
	6.616.233.939	7.742.781.198
	159.221.670.195	110.654.932.759

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

(**) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù dự án bất động sản của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2024			Thời gian quá hạn	1/1/2024		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Khách hàng nhóm 1	Từ 1 đến 2 năm	38.275.992.822	(38.275.992.822)	-	Từ 1 đến 2 năm	-	-	-
Khách hàng nhóm 2	Từ 2 đến 3 năm	36.830.154.593	(36.830.154.593)	-	Từ 2 đến 3 năm	-	-	-
Khách hàng nhóm 3	Trên 3 năm	4.738.718.091	(4.738.718.091)	-	Trên 3 năm	5.183.873.781	(5.183.873.781)	-
		<u>79.844.865.506</u>	<u>(79.844.865.506)</u>	<u>-</u>		<u>5.183.873.781</u>	<u>(5.183.873.781)</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(79.844.865.506)</u>				<u>(5.183.873.781)</u>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.429.527.341	-	672.055.967	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	840.922.321.447	-	239.876.318.816	-
Hàng hóa	3.516.645.319	-	71.219.683.665	-
	845.868.494.107	-	311.768.058.448	-

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp</i>		
EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long – Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3, Ngăn lộ mở rộng 110kV tại TBA 220kV Năm Căn	42.014.157.613	34.710.041.195
Gói tổng thầu thi công hạ tầng kỹ thuật – KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	40.737.850.000	26.799.806.529
Các công trình, dự án khác	139.677.207.072	167.882.687.812
<i>Dự án kinh doanh bất động sản</i>		
Dự án khu nhà ở Tháp Vàng (*)	607.095.061.671	-
Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (khu nhà ở để bán G5 – CT2 và G8 – CT3)	7.499.726.417	7.494.996.417
Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm	2.596.202.784	2.596.191.784
Dự án khác	1.302.115.890	-
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	-	392.595.079
	840.922.321.447	239.876.318.816

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là Quyền sử dụng đất có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23(b)(i)).

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.328.941.421.410	1.241.384.683.987	163.321.470.499	20.009.516.147	1.148.375.210	2.754.805.467.253
Tăng trong năm	840.000.000	642.578.081	-	939.434.234	360.312.000	2.782.324.315
Số dư cuối năm	1.329.781.421.410	1.242.027.262.068	163.321.470.499	20.948.950.381	1.508.687.210	2.757.587.791.568
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	279.875.302.236	346.827.741.478	88.943.442.681	9.405.586.550	987.262.883	726.039.335.828
Khấu hao trong năm	47.762.939.590	70.893.485.880	16.716.671.006	2.782.191.914	138.024.543	138.293.312.933
Số dư cuối năm	327.638.241.826	417.721.227.358	105.660.113.687	12.187.778.464	1.125.287.426	864.332.648.761
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.049.066.119.174	894.556.942.509	74.378.027.818	10.603.929.597	161.112.327	2.028.766.131.425
Số dư cuối năm	1.002.143.179.584	824.306.034.710	57.661.356.812	8.761.171.917	383.399.784	1.893.255.142.807

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có tài sản có nguyên giá 33 tỷ VND (1/1/2024: 29 tỷ VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.813 tỷ VND (1/1/2024: 1.922 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 23(b)(i)).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu và cuối năm	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.253.324.655	1.253.324.655
Khấu hao trong năm	-	215.354.795	215.354.795
Số dư cuối năm	-	1.468.679.450	1.468.679.450
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	345.075.345	1.453.145.345
Số dư cuối năm	1.108.070.000	129.720.550	1.237.790.550

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 1 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

M.S.D.M. T. C. N.A.

15. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại Chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.076.525.175	90.477.826.874	20.819.861.638	122.374.213.687
Nhượng bán	-	-	(20.819.861.638)	(20.819.861.638)
Số dư cuối năm	11.076.525.175	90.477.826.874	-	101.554.352.049
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.298.050.918	39.436.638.410	6.286.442.679	51.021.132.007
Khấu hao trong năm	399.871.729	3.597.484.180	278.769.010	4.276.124.919
Nhượng bán	-	-	(6.565.211.689)	(6.565.211.689)
Số dư cuối năm	5.697.922.647	43.034.122.590	-	48.732.045.237
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.778.474.257	51.041.188.464	14.533.418.959	71.353.081.680
Số dư cuối năm	5.378.602.528	47.443.704.284	-	52.822.306.812

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	11.236.636.566	7.859.555.020
Tăng trong năm	11.555.551.014	9.805.195.381
Chuyển nhượng dự án Thượng Hà	(5.400.824.855)	-
Biến động khác	-	(6.428.113.835)
Số dư cuối năm	17.391.362.725	11.236.636.566

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Quyền sử dụng đất	9.500.000.000	-
Dự án Nhà máy thủy điện Thượng Hà	-	4.456.645.750
Công trình khác	7.891.362.725	6.779.990.816
	17.391.362.725	11.236.636.566

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.146.108.229	10.156.162.111	27.457.563.426	16.100.318.908	55.860.152.674
Tăng trong năm	1.361.134.182	8.863.435.290	-	12.614.827.360	22.839.396.832
Phân bổ trong năm	(1.754.951.359)	(6.145.373.460)	(515.223.360)	(11.137.506.279)	(19.553.054.458)
Số dư cuối năm	1.752.291.052	12.874.223.941	26.942.340.066	17.577.639.989	59.146.495.048

(*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế tỉnh Cao Bằng và Cục thuế tỉnh Hà Giang. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
		30.737.470.307

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 3.667.478.156 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam	179.026.595.225	86.432.400.016
Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội	95.215.201.203	55.883.121.985
Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình	89.995.753.094	107.080.793.198
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long	40.342.171.844	34.402.085.687
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	17.123.762.853	5.032.534.430
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	15.318.884.608	72.827.824.100
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình	11.203.579.448	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	8.002.335.991	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	7.360.831.083	-
Các công ty con cấp 1 khác	1.237.753.453	3.549.638.093
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	21.417.566	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	110.037.444.656	-
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS-Vina	101.670.943.560	248.857.972
Phải trả các đối tượng khác	233.683.574.953	440.740.857.921
	910.240.249.537	806.198.113.402

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	203.420.349.243	-
Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	-	4.561.937.571
Bên khác		
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam	45.543.836.821	-
Ban Quản lý dự án lưới điện Hà Nội	22.752.187.170	-
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	31.515.453.438	31.515.453.438
Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	16.418.328.453	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam	16.241.961.858	-
Ban Quản lý Dự án điện 3	9.960.013.803	-
Ban Quản lý đường sắt đô thị	157.825.981	31.214.189.119
Các khách hàng khác	49.078.571.627	34.511.249.367
	395.088.528.394	101.802.829.495

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	1.505.376.915	73.165.264.212	(72.145.042.365)	2.525.598.762
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	187.186.666	(187.186.666)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.889.550.688	1.493.027.973	(2.681.782.076)	700.796.585
Thuế thu nhập cá nhân	175.793.657	7.584.417.518	(7.571.709.689)	188.501.486
Thuế tài nguyên	861.157.836	42.038.110.962	(41.542.907.210)	1.356.361.588
Thuế nhà đất	-	574.192.379.216	(574.192.379.216)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.536.513.768	20.461.734.756	(18.979.753.788)	3.018.494.736
	5.968.392.864	719.122.121.303	(717.300.761.010)	7.789.753.157

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	41.583.620.829	45.043.797.444
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp	316.080.332	1.212.852.084
Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện	-	2.372.267.833
	41.899.701.161	48.628.917.361

22. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	56.337.343.594	2.836.378.546
Lãi vay phải trả	20.142.948.920	10.452.528.500
Thù lao của Hội đồng Quản trị	3.826.000.000	2.610.000.000
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	611.599.395	958.027.395
Kinh phí công đoàn	33.388.838	142.761.278
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.491.941.435	3.020.586.118
	87.443.222.182	20.020.281.837

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi vay phải trả công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	6.553.618.249	6.553.618.249
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	231.507.572	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	5.120.887.935	2.932.887.935
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	1.990.359.822	735.885.330
	13.896.373.578	10.222.391.514

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2024 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.431.006.422.237	3.296.335.495.660	(3.452.765.164.712)	1.274.576.753.185
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	230.048.000.000	291.377.000.713	(230.048.000.000)	291.377.000.713
	1.661.054.422.237	3.587.712.496.373	(3.682.813.164.712)	1.565.953.753.898

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	400.993.165.167	436.540.705.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	252.648.011.672	114.459.443.366
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	171.609.360.756	283.545.093.202
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	150.906.275.678	114.007.847.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	109.933.069.913	4.853.534.209
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	98.415.102.212	227.759.337.190
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	VND	87.274.514.998	80.641.120.535
Ngân hàng TMHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	VND	2.797.252.789	-
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	VND	-	115.608.041.597
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	-	53.591.299.638
		1.274.576.753.185	1.431.006.422.237

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 11 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (i)	2.360.630.064.753	2.063.793.603.649
Trái phiếu thường (ii)	1.188.673.118.092	1.183.899.763.518
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))	(291.377.000.713)	(230.048.000.000)
	3.257.926.182.132	3.017.645.367.167

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty con cấp 1						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	88.000.000.000	98.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	21.030.716.918	72.850.371.918
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông	VND	4,5%	2027	Không có tài sản bảo đảm	5.088.844.560	5.088.844.560
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	VND	4,8%	2027	Không có tài sản bảo đảm	-	120.000.000.000
Các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(***)	2029	Toàn bộ phần vốn góp của PC1 tại Asia Dragon Trading Pte.Ltd và Công ty Phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	541.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (ii)	VND	(***)	2028	Tài sản hình thành từ Dự án Tháp vàng Phú Thị	350.054.116.104	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	338.968.395.700	386.968.395.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(**)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	274.986.568.179	305.034.568.179
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch (i)	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	262.709.898.607	310.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An (i)	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	145.862.523.972	152.212.523.972
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	(**)	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	132.000.000.000	148.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở Cá nhân (iii)	VND	9,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	100.929.000.713	364.929.000.713
	VND	6,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	100.000.000.000
					2.360.630.064.753	2.063.793.603.649

- (i) Các khoản vay dài hạn này được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 1.813 tỷ VND (1/1/2024: 1.922 tỷ VND) (Thuyết minh 13).
- (ii) Các khoản vay dài hạn này được bảo đảm bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có giá trị ghi sổ là 607 tỷ VND (Thuyết minh 12).
- (iii) Cá nhân cho Công ty vay dài hạn không phải bên liên quan của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.
- (**) Các khoản vay này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.
- (***) Các khoản vay này có lãi suất ưu đãi cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong các năm tiếp theo, lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(11.326.881.908)	(16.100.236.482)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			1.188.673.118.092	1.183.899.763.518

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, các trái phiếu trên được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và toàn bộ số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty sở hữu (Thuyết minh 5(b)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc mua các cổ phần hiện có và cổ phần phát hành mới của Công ty Cổ phần Western Pacific, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	145.827.662.533	108.909.881.324
Trích lập trong năm	11.270.065.790	66.792.089.518
Sử dụng trong năm	(26.870.139.380)	(29.874.308.309)
 Số dư cuối năm	 130.227.588.943	 145.827.662.533

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023	2.704.330.020.000	711.136.556.786	213.577.792.672	64.632.444.542	1.199.145.355.439	4.892.822.169.439
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112.700.657.891	112.700.657.891
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.396.044.759	-	(33.396.044.759)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(66.792.089.518)	(66.792.089.518)
Cổ tức (Thuyết minh 27)	405.625.560.000	-	-	-	(405.625.560.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.890.000.000)	(2.890.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2024	3.109.955.580.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	803.142.319.053	4.935.840.737.812
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	269.764.321.899	269.764.321.899
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(11.270.065.790)	(11.270.065.790)
Trả cổ tức thông qua việc phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 27)	466.465.630.000	-	-	-	(466.465.630.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	3.576.421.210.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	589.170.945.162	5.188.334.993.921

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	357.642.121	3.576.421.210.000	310.995.558	3.109.955.580.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

27. Cổ tức

Quý 4 năm 2024, Công ty đã phân phối cho các cổ đông khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 466.465.630.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2023, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2023: 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê hoạt động không hủy ngang

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng 1 năm	3.760.540.034	3.712.799.231
Trong vòng 2 năm đến 5 năm	12.559.643.820	18.563.996.155
	16.320.183.854	22.276.795.386

(b) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	1.161.960	29.339.955.239	178.053	4.274.435.111
Kíp Lào	608.001	528.961	602.363	409.607

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.712.109.231.929	2.169.009.766.484
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	960.040.464.973	1.041.561.887.275
Doanh thu bán điện	509.871.679.213	338.713.808.232
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư	23.048.979.111	100.039.819.705
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	16.228.127.314	22.832.984.097
Doanh thu chuyển nhượng dự án thủy điện Thượng Hà	9.364.077.009	-
Doanh thu khác	53.152.619.276	118.821.353.438
	4.283.815.178.825	3.790.979.619.231

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.596.209.429.167	2.033.012.963.919
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	948.353.520.670	1.021.975.499.702
Giá vốn bán điện	235.177.912.983	203.999.473.339
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản đầu tư	14.499.350.734	84.695.154.685
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	6.577.769.800	11.089.354.334
Giá vốn chuyển nhượng dự án thủy điện Thượng Hà	5.400.824.855	-
Giá vốn khác	49.682.215.400	106.218.572.956
	3.855.901.023.609	3.460.991.018.935

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.094.867.061	50.776.000.762
Cổ tức được chia	367.598.663.290	257.645.284.871
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.968.716.684	839.999.506
Lãi do chuyển nhượng vốn	1.000.000.000	7.617.693.026
Lãi bán hàng trả chậm	2.063.621.851	6.234.954.175
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	720.218.410
	394.725.868.886	323.834.150.750

32. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	303.737.417.994	398.692.084.043
Chi phí phát hành trái phiếu	4.773.354.574	4.734.013.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.164.584.953	974.892.570
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	76.068.518	-
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	37.722.006.524	220.390.619
Lỗ do chuyển nhượng vốn	93.636.191	-
Chi phí tài chính khác	-	1.072.086.966
	348.567.068.754	405.693.467.939

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.027.398	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.788.003.200	11.682.521.319
Chi phí bán hàng khác	364.233.530	131.913.921
	8.160.264.128	11.814.435.240

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.554.273.342	4.271.107.968
Chi phí nhân công	67.636.144.681	61.686.946.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.577.880.190	7.226.378.620
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	75.106.147.415	(350.000.000)
Thuế, phí, lệ phí	2.990.822.154	1.437.126.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.787.096.060	28.613.197.475
Chi phí khác bằng tiền	10.517.527.766	8.640.145.500
	195.169.891.608	111.524.903.120

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu	605.269.310.872	471.631.195.880
Chi phí nhân công	85.392.129.557	73.342.802.676
Chi phí khấu hao tài sản và phân bổ	142.784.792.647	145.652.200.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.821.180.840.730	1.753.736.297.437
Chi phí khác	42.211.302.615	39.055.417.559
	3.696.838.376.421	2.483.417.913.873

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.404.114.004	2.076.724.021
Dự phòng thiếu trong những năm trước	88.913.969	11.754.462.611
	1.493.027.973	13.831.186.632

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	271.257.349.872	126.531.844.523
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	54.251.469.974	25.306.368.905
Chi phí không được khấu trừ thuế	523.487.084	978.598.702
Thu nhập không bị tính thuế	(73.519.732.658)	(51.529.056.974)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	6.037.408.558	(10.449.674.349)
Ảnh hưởng thuế liên quan đến chi phí lãi vay vượt mức 30% theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP	14.898.301.595	35.616.625.260
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	-	2.153.862.477
Dự phòng thiếu trong những năm trước	88.913.969	11.754.462.611
Lỗ tính thuế được sử dụng	(786.820.549)	-
	1.493.027.973	13.831.186.632

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời về chi phí lãi vay được khấu trừ	252.671.864.844	50.534.372.969	178.180.356.869	35.636.071.374
Chênh lệch tạm thời về dự phòng phải thu khó đòi	30.187.042.789	6.037.408.558	-	-
Lỗi tính thuế	7.254.907.171	1.450.981.434	11.189.009.915	2.237.801.983
	290.113.814.804	58.022.762.961	189.369.366.784	37.873.873.357

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2028	Chưa quyết toán	178.180.356.869
2029	Chưa quyết toán	74.491.507.975
		252.671.864.844

Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	7.254.907.171

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty con cấp 1		
<i>Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội</i>		
Doanh thu cho thuê	-	340.106.090
Doanh thu bán hàng hóa	22.338.423.860	8.792.661.838
Doanh thu khác	1.123.780.431	-
Mua dịch vụ xây lắp	353.590.908.474	195.371.575.363
Cổ tức được chia	990.000.000	-
Lãi chậm thanh toán được nhận	48.162.166	-
Chuyển nhượng vốn	-	1.480.935.067
<i>Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	3.943.396.039	7.992.471.987
Mua dịch vụ xây lắp	326.166.685.227	319.929.264.163
Cổ tức được chia	16.970.431.356	-
Doanh thu khác	4.824.154	-
Lãi chậm thanh toán được nhận	1.583.107	-
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Miền Bắc</i>		
Mua dịch vụ xây lắp	-	1.799.686.972
Chi phí lãi trả chậm	-	718.784.008
Chi phí khác	324.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần PC1 Mỹ Đình</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	16.211.370.754	18.300.943.404
Doanh thu cho thuê	626.860.612	553.373.100
Doanh thu khác	786.110.000	-
Mua dịch vụ xây lắp	278.278.327.424	251.305.696.765
Cổ tức được chia	19.976.872.018	-
Mua cổ phần của Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình thông qua bù trừ công nợ	10.275.400.561	-
Chi phí lãi trả chậm	-	96.178.940
Doanh thu bán hàng hóa	39.177.521.453	-
Mua dịch vụ xây lắp	28.116.989.293	16.811.375.046
Cổ tức được chia	10.608.416.747	14.626.338.660
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Hà Đông</i>		
Mua dịch vụ xây lắp	-	756.085.812
Mua tài sản cố định	-	2.125.302.487
Mua công cụ dụng cụ	-	181.523.050
Chi phí khác	231.507.572	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV PC1 Nàng Hương		
Doanh thu cho thuê	1.182.603.424	1.499.163.684
Doanh thu khác	415.344.260	-
Mua hàng hóa	1.051.334.936	1.981.288.700
Cổ tức được chia	-	1.870.104.537
Mua dịch vụ	882.827.081	953.927.927
Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long		
Doanh thu bán hàng hóa	21.392.688.616	8.606.581.962
Doanh thu khác	213.143.023	-
Thu nhập từ lãi trả chậm	166.765.833	37.928.794
Mua dịch vụ xây lắp	160.312.522.538	106.751.698.138
Chi phí lãi vay trả chậm	-	118.726.800
Cổ tức được chia	495.000.000	-
Chuyển nhượng vốn	-	1.433.748.375
Công ty Cổ phần PC1 Ninh Bình		
Doanh thu bán hàng hóa	2.770.577.850	5.277.954.237
Mua dịch vụ xây lắp	100.355.466.440	21.564.080.309
Doanh thu khác	66.048.830	-
Lãi cho vay	-	306.342.466
Lợi nhuận được chia	2.693.083.659	-
Bù trừ công nợ với khoản cho vay	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh		
Doanh thu bán hàng hóa	39.177.521.453	-
Mua dịch vụ xây lắp	28.116.989.293	16.811.375.046
Cổ tức được chia	10.608.416.747	14.626.338.660
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu		
Doanh thu cho thuê	67.526.580	123.082.134
Doanh thu khác	111.111.108	-
Cổ tức được chia	35.410.680.000	26.397.234.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình		
Doanh thu cho thuê	95.301.816	95.301.816
Mua dịch vụ xây lắp	36.363.636	-
Cổ tức được chia	9.939.000.000	-
Cho vay	35.000.000.000	-
Nhận hoàn trả khoản cho vay	6.000.000.000	-
Bù trừ khoản cho vay với khoản phải trả	1.765.823.207	-
Bù trừ khoản phải thu về lãi cho vay với khoản phải trả	308.712.329	-
Lãi cho vay	857.872.715	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam		
Doanh thu cho thuê	247.800.002	231.709.092
Mua dịch vụ xây lắp	24.243.159.966	-
Cổ tức được chia	1.020.000.000	1.377.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình		
Vay	-	62.500.000.000
Trả nợ gốc vay	34.000.000.000	-
Bù trừ khoản vay với khoản phải thu	17.819.655.000	-
Chi phí lãi vay	1.254.474.492	412.223.487
Cổ tức được chia	4.751.908.000	17.819.655.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm		
Doanh thu bán hàng hóa	345.842.000	-
Lãi cho vay	493.726.027	455.753.425
Nhận hoàn trả khoản cho vay	3.000.000.000	-
Bù trừ khoản phải thu về cho vay với khoản phải trả	1.500.000.000	-
Mua dịch vụ	42.341.830.561	28.066.652.787
Mua khác	763.537.568	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc		
Doanh thu cho thuê	66.000.000	88.555.554
Doanh thu khác	111.111.108	-
Cổ tức được chia	7.649.984.121	14.702.758.871
Lãi chậm thanh toán được nhận	6.578.342	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiền Bộ		
Trả nợ gốc vay	120.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	441.863.014	-
Cho vay	2.000.000.000	-
Lãi cho vay	930.410.959	879.999.999
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	70.000.000	-
Doanh thu cho thuê	76.800.000	6.400.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	396.607.314
Doanh thu từ thanh lý tài sản	-	61.000.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	-	386.693.454
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	-	328.486.804
Cổ tức được chia	14.766.595.201	13.245.018.859
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	70.000.000	-
Doanh thu cho thuê	76.800.000	6.400.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	416.607.314
Lãi cho vay và lãi trả chậm	-	1.085.320.052
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	-	1.106.168.445
Cổ tức được chia	12.977.606.711	55.327.225.294
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	70.000.000	-
Doanh thu cho thuê	76.800.000	6.400.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	396.607.314
Lãi cho vay và lãi trả chậm	-	1.408.008.583
Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc	-	1.161.243.228
Cổ tức được chia	15.379.289.657	55.361.949.650

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam</i>		
Doanh thu cho thuê	247.800.002	231.709.092
Mua dịch vụ xây lắp	24.243.159.966	-
Cổ tức được chia	1.020.000.000	1.377.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ</i>		
Mua dịch vụ xây lắp	33.671.475.000	-
Mua tài sản cố định	-	2.720.161.500
Mua hàng hóa	5.341.790.000	77.486.247.425
Cổ tức được chia	1.147.500.000	918.000.000
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát</i>		
Doanh thu cho thuê	178.036.368	178.036.368
Doanh thu dịch vụ	32.750.077.856	103.647.013.729
Cho vay	71.000.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	122.142.397.260	-
Lãi cho vay	3.006.162.207	8.632.344.358
Bao gồm lãi cho vay nhập gốc	1.142.397.260	6.307.269.431
Cổ tức được chia	104.025.228.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm</i>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	7.540.889.204	5.078.692.394
Doanh thu cho thuê	66.000.000	33.000.000
Doanh thu khác	6.364.366.286	-
Doanh thu chuyển nhượng dự án	9.364.077.009	-
Cho vay	44.000.000.000	6.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	44.000.000.000	-
Lãi cho vay	64.323.288	746.235.616
Mua cổ phần thông qua bù trừ với khoản cho vay	5.160.000.000	15.840.000.000
Mua cổ phần thông qua bù trừ cổ tức phải thu	1.114.668.493	-
Mua cổ phần	59.725.331.507	-
Chuyển nhượng vốn	-	17.940.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại</i>		
Vay	22.000.000.000	30.000.000.000
Trả nợ gốc vay	32.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.298.465.753	2.096.547.946
<i>Asia Dragon Trading Pte. Ltd.</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	874.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.470.000.000	8.422.958.730
Doanh thu cho thuê	-	197.777.778
Mua cổ phần	415.000.000.000	9.800.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng</i>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	29.824.840.138	1.922.269.249
Cổ tức được chia	75.767.799.820	56.000.000.000
<i>Công ty con cấp 2</i>		
<i>Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i>		
Lãi cho vay	817.367.916	937.069.883
Lãi trả chậm	1.838.252.787	2.951.196.542
Doanh thu bán hàng hóa	19.368.748.378	-
Mua dịch vụ xây lắp	6.320.081.335	-
Mua hàng hóa	-	479.248.888
<i>Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Mỹ Đình</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	653.369.600	-
Mua dịch vụ xây lắp	9.652.405.865	1.509.140.126
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 – Từ Liêm – công ty con của Công ty Cổ phần PC1 Miền Nam</i>		
Mua dịch vụ xây lắp	1.726.908.104	7.894.289.627
Chi phí lãi trả chậm	-	138.397.218
<i>Công ty liên kết</i>		
<i>Công ty Cổ phần Western Pacific</i>		
Lợi nhuận được chia	33.029.268.000	-
Mua cổ phần	90.243.900.000	-
<i>Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình</i>		
Mua cổ phần	-	68.400.000.000
<i>Các bên có người quản lý chủ chốt là thành viên mật thiết với người quản lý chủ chốt của Công ty</i>		
<i>Công ty Cổ phần Cơ Điện Đại Dũng</i>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	39.402.848.900	-
<i>Công ty Cổ phần Minh Hưng M&C (trước đây là “Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Định Tân”)</i>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	11.173.944.456	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị		
Ông Trịnh Văn Tuấn	3.975.000.000	1.810.000.000
Ông Vũ Ánh Dương	540.000.000	270.000.000
Ông Võ Hồng Quang	540.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	540.000.000	270.000.000
Ông Phan Ngọc Hiếu (từ ngày 26/4/2024)	360.000.000	-
Ông Mai Lương Việt (đến ngày 1/2/2024)	45.000.000	270.000.000
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Ánh Dương	1.306.734.106	1.125.749.371
Ông Võ Hồng Quang	1.244.577.696	871.136.214
Ông Nguyễn Minh Đệ	206.000.000	206.000.000
Ông Đặng Quốc Tường	918.759.840	994.540.361
Ông Nguyễn Nhật Tân	851.733.190	878.279.634
Ông Trịnh Ngọc Anh (từ ngày 15/7/2024)	315.074.696	-
Ông Trịnh Quang Thành (từ ngày 11/10/2024)	325.780.897	-
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2024	2023
	VND	VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	466.465.630.000	405.625.560.000
Bù trừ khoản vay với khoản cổ tức phải thu	17.819.655.000	-
Mua cổ phần thông qua bù trừ với khoản cổ tức, lợi nhuận phải thu	11.390.069.054	-
Mua cổ phần thông qua bù trừ phải thu về cho vay	5.160.000.000	15.840.000.000
Bù trừ khoản cho vay với khoản phải trả	3.265.823.207	-
Lãi cho vay nhập gốc phải thu về cho vay	1.142.397.260	8.903.167.908
Bù trừ khoản phải thu về lãi cho vay với khoản phải trả	4.227.481.932	-
Bù trừ khoản cổ tức phải thu với khoản phải trả	1.065.671.856	-
Bù trừ khoản người mua trả trước với khoản phải thu về cho vay	-	27.360.185.058

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập



Vũ Thị Phương
Người lập biểu

Người duyệt



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

THHH